

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thanh H, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bị đơn: Anh Tạ Kim T, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Ngọc S, sinh năm 1947 và bà Trương Thị K, sinh năm 1949; đều trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/8/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đào Thị Thanh H trình bày:

Chị kết hôn với anh T ngày 11/7/2006, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới chị về gia đình anh T làm dâu, đến tháng 11/2006 thì vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ghen tuông vô cớ nên thường xuyên đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà dẫn đến vợ chồng ngày càng chán nản, lạnh nhạt với nhau.

Đến ngày 06/7/2017 anh T tiếp tục đánh đập chị nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con là Tạ Kim Ng, sinh ngày 19/01/2007 và Tạ Đình T, sinh ngày 25/9/2010. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh T, ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nếu chỉ được nuôi 01 cháu chị xin được nuôi cháu Ng, để anh T nuôi cháu T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ anh T xây dựng cho anh trước khi cưới trên đất của bố mẹ anh. Sau đó vợ chồng chị đã trát tường nhà bằng xi măng năm 2013, lợp bờ lô xi măng trên mái năm 2006, lát gạch hoa trong nhà năm 2013, lát sân gạch năm 2013; xây 01 nhà vệ sinh và 01 công trình phụ năm 2008; lắp bioga năm 2015; lắp 03 bộ cánh cửa năm 2008; đổ đất lấp ao xung quanh nhà từ lúc vợ chồng ra ở riêng cho đến hết năm ngoài trong đó có một phần công sức gia đình bỏ ra, một phần là mua đất để đổ vào khoảng 3.000.000 đồng; lắp một mái bán tôn khoảng năm 2015; lắp 01 cổng sắt làm năm 2010; xây tường bao loan năm 2010; đổ bê tông lối đi từ cổng vào năm 2010; 01 tủ để hàng; 01 máy hơi; 01 máy hàn; 01 súng bắn ốc; một số đồ nghề sửa chữa xe; 01 tủ 3 buồng; 01 tivi; 01 tủ lạnh; 01 tủ để quần áo 2 buồng; 01 chiếc giường; 01 quầy đựng thóc; 01 bộ bàn ghế mua năm 2013; 01 bếp ga; 01 giàn bát; 01 đệm giường; 01 máy lọc nước; 01 máy giặt; 01 chiếc quạt hòm; 01 máy tuốt lúa; 01 xe cải tiến; 01 xe lôi; 02 xe máy; 01 con trâu, 02 con lợn và 01 con chó; 01 tấn lúa; 50kg lạc; 01 vườn xoan. Khi chị đi khỏi nhà thì anh T đã bán 01 xe máy, 01 con trâu, 02 con lợn và đã thịt 01 con chó.

Đối với một số lương thực khi chị đi khỏi nhà vẫn còn, khi tiến hành thẩm định không còn đầy đủ, chỉ còn 50kg lúa thì chị chỉ đề nghị giải quyết đối với 50kg lúa, còn những lương thực khác chị không đề nghị. Vợ chồng chị đổ đất để san lấp ao trước nhà, trước đây chị có đề nghị công sức toàn bộ phần đổ đó nhưng nay chị chỉ đề nghị thanh toán công sức lấp ao theo giá trị đã san lấp 3.000.000 đồng là số tiền vợ chồng chị đã bỏ ra để mua đất đổ xuống ao như anh T đã trình bày, phần còn lại chị không đề nghị gì nữa.

Ly hôn, chị đề nghị chia đôi số tài sản chung đã kể trên và chị đề nghị được nhận toàn bộ bằng hiện vật nếu anh T được hưởng bằng hiện vật có giá trị cao hơn thì anh T phải thanh toán chênh lệch bằng tiền cho chị. Đối với ngôi nhà mái bằng do bố mẹ chồng chị xây trước khi chị về ở, nếu không phải là tài sản chung của vợ chồng chị mà xác định của người khác thì đề nghị Tòa án buộc người đó phải thanh toán công sức cho chị để làm tăng giá trị ngôi nhà đó.

Về tài sản riêng: Khi đi lấy chồng, bố mẹ chị cho chị 1,5 chỉ vàng 9999, 01 xe đạp, 01 quầy hàng bán dong trị giá khoảng 8.000.000 đồng. Số vàng vợ chồng chị đã đem đi bán để mua 01 con bò làm vốn vợ chồng làm kinh tế chung; 01 chiếc xe đạp đã cũ hỏng không còn giá trị nên chị không đề nghị giải quyết. Quầy hàng hiện nay chỉ còn 01 hòm tôn có một số đồ vật bên trong, đề nghị khi chia tài sản thì trả lại chị chiếc hòm đó. Còn số 1,5 chỉ vàng và quầy hàng bán dong trị giá 8.000.000 đồng khi chị về làm dâu có đem theo về và đưa vào sử dụng vào việc

làm ăn kinh tế của gia đình, đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả lại chị số tài sản trên.

Về công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Kim T trình bày: anh đồng ý với lời trình bày của chị H về quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống; Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay chị H xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con là Tạ Kim Ng, sinh ngày 19/01/2007 và Tạ Đình T, sinh ngày 25/9/2010. Ly hôn anh xin nuôi cả 02 con và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chỉ được nuôi 01 con anh xin được nuôi cháu T để chị H nuôi cháu Ng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có 01 ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ anh xây dựng cho anh trước khi cưới trên đất của bố mẹ anh. Sau đó vợ chồng đã trát tường nhà bằng xi măng năm 2013, lợp bờ lô xi măng trên mái năm 2006, lát gạch hoa trong nhà năm 2013, lát sân gạch năm 2013; xây 01 nhà vệ sinh và 01 công trình phụ năm 2008; lắp bioga năm 2015; lắp 03 bộ cánh cửa năm 2008; đổ đất lấp ao xung quanh nhà từ lúc vợ chồng ra ở riêng cho đến hết năm ngoài trong đó có một phần công sức gia đình bỏ ra, một phần là mua đất để đổ vào khoảng 3.000.000 đồng; lắp một mái bần tôn khoảng năm 2015; lắp 01 cổng sắt làm năm 2010; xây tường bao loan năm 2010; đổ bê tông lối đi từ cổng vào năm 2010; 01 tủ để hàng; 01 máy hơi; 01 máy hàn; 01 súng bắn ốc; một số đồ nghề sửa chữa xe; 01 tủ 3 buồng; 01 tivi; 01 tủ lạnh; 01 tủ để quần áo 2 buồng; 01 chiếc giường; 01 quầy đựng thóc; 01 bộ bàn ghế mua năm 2013; 01 bếp ga; 01 giàn bát; 01 đệm giường; 01 máy lọc nước; 01 máy giặt; 01 chiếc quạt hòm; 01 máy tuốt lúa; 01 xe cải tiến; 01 xe lô; 02 xe máy; 01 vườn xoan được trồng trên đất của bố mẹ anh; 01 quầy đựng thóc. Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88D1-263.89 đứng tên chị H, trước đây anh đã bán cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ, còn chiếc xe máy biển kiểm soát 88K-9673 đứng tên anh.

Ly hôn, anh đề nghị chia đôi số tài sản chung đã kê trên và anh đề nghị chia bằng hiện vật vì hiện nay anh không có công ăn việc làm ổn định nên không có tiền để trả chênh lệch cho chị H. Trước đây vợ chồng anh có 01 con trâu, 02 con lợn, 01 con chó, tuy nhiên trong quá trình chị H bỏ đi, kinh tế của anh không đảm bảo để nuôi con nên anh đã bán số tài sản này để phục vụ cuộc sống gia đình, chị H đề nghị chia những tài sản này, anh không nhất trí.

Về tài sản riêng: Khi chị H về gia đình anh làm dâu, bố mẹ chị có cho chị 1,5 chỉ vàng 9999 và chị có 01 quầy hàng dong; Số vàng vợ chồng anh đã đem đi bán để tập chung làm ăn kinh tế hết nên chị đề nghị trả lại anh không đồng ý; Còn quầy hàng dong của chị H khi bỏ về nhà bố mẹ để đi chị đã cầm đi một phần, còn một phần của quầy hàng hiện vẫn ở trong gia đình anh, anh nhất trí trả lại toàn bộ số tài sản của quầy hàng cho chị H, không nhất trí thanh toán số tiền 8.000.000 đồng chị H đề nghị.

Về công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Ngọc S và bà Trương Thị K trình bày: Ông bà xây dựng gia đình cho anh T chị H năm 2006, sau khi cưới chị H về chung sống cùng gia đình được 02 tháng thì anh chị ra ở riêng trên thửa đất của vợ chồng ông bà. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không tin tưởng nhau nên thường xảy ra cãi vã. Sau đó vợ chồng anh chị sống ly thân, thời gian hơn một năm.

Khi chị H về gia đình làm dâu, ông bà có cho anh chị ở nhờ trên đất của ông bà mà ông bà đã xây dựng sẵn 01 ngôi nhà. Quá trình chung sống, anh chị H T có đóng góp công sức cùng ông bà để lải sân, lát gạch hoa trong nhà. Nguyên vật liệu và công công xây dựng chủ yếu của vợ chồng ông bà, còn anh chị chỉ mua được gạch lải trong nhà, gạch đỏ ngoài sân. Lúc đó anh T phụ giúp cùng ông bà lải lát và trát còn chị H đi làm công ty sáng đi tối về nên chỉ thỉnh thoảng phụ giúp nấu cơm cho mọi người. Ngoài ra công trình phụ cũng là do vợ chồng ông bà xây dựng có đóng góp công sức của anh chị H T, anh chị H T chỉ mua được tấm lợp proximang và cũng có công cùng vợ chồng ông bà xây dựng nên, việc xây dựng là để cho vợ chồng anh T sử dụng, nếu anh chị H T ly hôn, sau khi ly hôn ông bà vẫn tiếp tục cho anh T sử dụng tiếp những công trình đã xây dựng được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T; về con chung giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tạ Kim Ng, anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tạ Đình T;

Xác nhận tài sản chung của vợ chồng là: 01 tủ hàng, 01 máy hơi, 01 súng bắn ốc, bộ đồ nghề sửa xe, 01 tủ 03 buồng, 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 tủ quần áo 2 buồng, 01 quây đựng thóc, 01 bộ bàn ghế, 01 bếp ga và bình ga, 01 đệm giường, 01 giàn bát, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 quạt hòm, 01 máy tuốt lúa, 01 xe cải tiến, 01 xe lôi, 01 xe máy 88k-9673, 01 xe máy 88D1-26389, 02 giường, 50kg. Giá trị lát, trát nhà, 01 công trình phụ, 01 hồ bioga, 01 cánh cổng sắt, 01 tường bao loan, giá trị đoạn đường bê tông trong khuôn viên nhà, vườn xoan 35 cây, 03 bộ cánh cửa lắp trong nhà, 01 mái tôn phía dưới đồ nền bê tông, giá trị mái tôn nhà, giá trị đồ đất lấp ao. Đề nghị chia đôi số tài sản trên cho chị H, anh T.

Đối với 01 con trâu, 02 con lợn, 01 con chó không chấp nhận là tài sản chung để chia khi ly hôn; không chấp nhận về việc chị H đề nghị anh T phải trả lại chị H 1,5 chỉ vàng 9999 và 8.000.000 đồng là giá trị quỳ hàng bán dong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Đào Thị Thanh H đối với bị đơn là anh Tạ Kim T. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 27, Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 16/8/2018 chị Đào Thị Thanh H có đơn xin ly hôn với anh Tạ Kim T và đề nghị giải quyết về con chung, tài sản. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Ông Tạ Ngọc S và Trương Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị Thanh H và anh Tạ Kim T đều thể hiện: Việc kết hôn giữa chị H và anh T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L vào ngày 11/7/2006. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghi ngờ chị H ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã, đánh đập nhau và vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Qua xác minh tại gia đình anh T thì vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 8/2017. Nay chị H xin ly hôn anh T đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hai vợ chồng chị H anh T thường xảy ra cãi chửi nhau, anh T từng đánh chị H, nghi ngờ chị H ngoại tình với người khác và cả hai sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay nên hai vợ chồng không cùng chung sống và không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T đều xác nhận có 02 con là Tạ Kim Ng, sinh ngày 19/01/2007 và Tạ Đình T, sinh ngày 25/9/2010, ly hôn chị H, anh T đều đề nghị được nuôi cả hai cháu, nếu chỉ được nuôi một cháu thì anh T nuôi cháu T và chị H nuôi cháu Ng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H và anh T đều là lao động tự do, có thu nhập. Vì vậy cần giao cho mỗi người nuôi một cháu, do chị H anh T đều đề nghị chị H nuôi cháu Ng, anh T nuôi cháu T sau khi ly hôn, nên cần chấp nhận giao cho mỗi người nuôi một cháu, giao cháu Tạ Kim Ng cho chị H nuôi, giao cháu Tạ Đình T cho anh T nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, do mỗi người nuôi một cháu và cả hai đều không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản

Các đương sự đều thừa nhận các tài sản sau là tài sản chung của vợ chồng: 01 tủ hàng, 01 máy hơi, 01 súng bắn ốc, bộ đồ nghề sửa xe, 01 tủ 03 buồng, 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 tủ quần áo 2 buồng, 01 quầy đựng thóc, 01 bộ bàn ghế, 01 bếp ga và bình ga, 01 đệm giường, 01 giàn bát, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 quạt hòm, 01 máy tuốt lúa, 01 xe cải tiến, 01 xe lôi, 01 xe máy 88k-9673, 01 xe máy 88D1-26389, 02 giường, 50kg lúa; giá trị lát, trát nhà, 01 sân gạch; 01 nhà vệ sinh, 01 hố bioga, 01 cánh cổng sắt, 01 tường bao loan, giá trị đoạn đường bê tông trong khuôn viên nhà, vườn xoan 35 cây, 03 bộ cánh cửa lắp trong nhà, 01 mái tôn phía dưới đồ nền bê tông, giá trị bán mái tôn nhà, giá trị đồ đất lấp ao 3.000.000 đồng.

Đối với ngôi nhà mái bằng, các đương sự đều thừa nhận rằng khi chị H, anh T kết hôn thì sống chung cùng gia đình anh T, sau đó khoảng vài tháng vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ anh T và trên đất đã có sẵn 01 ngôi nhà mái bằng do bố mẹ anh T xây dựng từ trước. Anh T, chị H cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng bố mẹ anh T cho rằng chỉ cho vợ chồng sống nhờ. Hội đồng xét xử thấy rằng, thừa đất mà vợ chồng anh T chị H sinh sống trên đang được đứng tên vợ chồng ông S bà K, ngôi nhà mái bằng được xây dựng trên đất do bố mẹ anh T quản lý và ngôi nhà đó được bố mẹ anh T xây dựng trước khi vợ chồng lấy nhau, việc các bên cho rằng bố mẹ anh T đã cho nhưng không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc đó, bố mẹ anh T chỉ cho vợ chồng ở nhờ, khi anh T chị H lấy nhau thì chỉ lát gạch và trát tường nhà. Vì vậy, xác định ngôi nhà trên vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông S bà K, anh T, chị H khi về sống trên ngôi nhà này chỉ sửa chữa, lắp thêm một số công trình để làm tăng thêm giá trị ngôi nhà. Sau khi ly hôn bố mẹ anh T tiếp tục để anh T quản lý sử dụng ngôi nhà trên nên tiếp tục giao cho anh T quản lý và sử dụng anh T phải thanh toán chênh lệch cho chị H đối với phần giá trị đã được vợ chồng cải tạo để làm tăng giá trị ngôi nhà.

Đối với công trình phụ, ông S bà K cho rằng đây là do ông bà xây dựng lên, anh T chị H cho rằng đây là tài sản do vợ chồng anh xây dựng lên, công trình phụ này sau khi vợ chồng anh T chị H lấy nhau mới được xây dựng, đối với phần diện tích đất và nhà đó khi hai vợ chồng về sống chung là do vợ chồng anh chị quản lý và có khuôn viên riêng và tách biệt với phần diện tích đất của bố mẹ anh T sinh sống, nên xác định công trình phụ này là tài sản chung của vợ chồng của anh T, chị H.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị H còn xây dựng được một số công trình khác trên phần đất do ông S, bà K quản lý, sau khi ly hôn ông bà vẫn tiếp tục cho anh T sử dụng vì vậy cần giao các công trình mà vợ chồng anh T chị H xây dựng được cho anh T quản lý và sử dụng, anh T phải thanh toán chênh lệch cho chị H;

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88D1-26389 đứng tên chị H, khi tiến hành thẩm định không còn, anh T cho rằng đã bán cho một người không biết tên tuổi, địa chỉ, khi Tòa án xác minh tại Công an thì chiếc xe máy này vẫn đứng tên chị H, vì vậy khi chia tài sản chung sẽ chia chiếc xe này cho anh T quản lý và sử dụng và anh T sẽ phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H.

Đối với 01 máy hàn khi Tòa án thẩm định không còn, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với vườn xoan hai vợ chồng trồng trên đất của bố mẹ anh T, cần giao cho chị H quản lý để thu hoạch số cây cối trên và phải thanh toán chênh lệch.

Đối với 01 con trâu, 02 con lợn và 01 con chó là những con vật vợ chồng anh T, chị H đã mua được nhưng khi hai vợ chồng sống ly thân, chị H đi khỏi nhà, anh T một mình nuôi hai con của vợ chồng, theo anh T thì anh đã bán và thịt để phục vụ cuộc sống sinh hoạt của ba bố con. Đối với những con vật này khi Tòa án về thẩm định nhưng không còn, chị H đi khỏi nhà nên anh T một mình nuôi hai con nên đã bán số con vật này để phục vụ cuộc sống sinh hoạt là hợp lý, do đó không chấp nhận đưa những con vật trên vào khối tài sản chung của vợ chồng để chia khi ly hôn.

Khi chị H về làm dâu có đem theo 1,5 chỉ vàng 9999, 01 xe đạp, 01 quầy hàng bán dong trị giá khoảng 8.000.000 đồng. Khi Tòa án tiến hành thẩm định còn 02 hòm tôn, ly hôn anh T đồng ý trả lại chị H, nên giao cho chị H quản lý, sử dụng 02 hòm tôn trên. Đối với 1,5 chỉ vàng 9999 và 8.000.000 đồng là giá trị quầy hàng dong khi chị H về làm dâu có đem theo, vợ chồng chị đã đem đi bán số vàng để mua 01 con bò làm vốn vợ chồng làm kinh tế chung, khi Tòa án tiến hành thẩm định không còn, việc số tài sản này vợ chồng đã sử dụng vào mục đích chung của gia đình nay không còn nên không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc đề nghị anh T phải trả lại chị.

Như vậy tài sản chung của vợ chồng là: 01 tủ hàng 400.000 đồng, 01 máy hơi 600.000 đồng, 01 súng bắn ốc 100.000 đồng, bộ đồ nghề sửa xe 1.000.000 đồng, 01 tủ 03 buồng 200.000 đồng, 01 ti vi 400.000 đồng, 01 tủ lạnh 500.000 đồng, 01 tủ quần áo 2 buồng 200.000 đồng, 01 quầy đựng thóc 50.000 đồng, 01 bộ bàn ghế 7.000.000 đồng, 01 bếp ga và bình ga 300.000 đồng, 01 đệm giường 50.000 đồng, 01 giàn bát không còn giá trị sử dụng, 01 máy lọc nước 500.000 đồng, 01 máy giặt 6.000.000 đồng, 01 quạt hòm 200.000 đồng, 01 máy tuốt lúa 300.000 đồng, 01 xe cải tiến 500.000 đồng, 01 xe lôi 400.000 đồng, 01 xe máy 88k-9673: 2.000.000 đồng, 01 xe máy 88D1-26389: 12.000.000 đồng, 02 giường 200.000 đồng, 50kg lúa 350.000 đồng. Một số công trình và cây trồng trên đất của bố mẹ anh T gồm: Giá trị lát, trát nhà 20.000.000 đồng, 01 sân gạch 4.500.000 đồng, 01 công trình phụ 17.000.000 đồng, 01 nhà vệ sinh 10.000.000 đồng, 01 hồ bioga 3.000.000 đồng, 01 cánh cổng sắt 200.000 đồng, 01 tường bao loan 2.000.000 đồng, giá trị đoạn đường bê tông trong khuôn viên nhà 1.000.000 đồng, vườn xoan 35 cây 3.500.000 đồng, 03 bộ cánh cửa lắp trong nhà 3.000.000 đồng, 01 mái tôn phía dưới đỡ nền bê tông 3.000.000 đồng, giá trị bán mái tôn nhà 700.000 đồng, giá trị đổ đất lấp ao 3.000.000 đồng. Tổng là: 104.150.000 đồng.

Dựa vào tình hình hiện tại và nhu cầu thực tế của các bên:

Giao cho chị H quản lý, sử dụng những tài sản sau: 01 tủ 03 buồng 200.000 đồng, 01 ti vi 400.000 đồng, 01 tủ lạnh 500.000 đồng, 01 tủ quần áo 2 buồng 200.000 đồng, 01 quầy đựng thóc 50.000 đồng, 01 bộ bàn ghế 7.000.000 đồng, 01 máy lọc nước 500.000 đồng, 01 máy giặt 6.000.000 đồng, 01 quạt hòm 200.000 đồng, 01 máy tuốt lúa 300.000 đồng, 01 xe cải tiến 500.000 đồng, 01 xe

lôi 400.000 đồng, 01 xe máy 88k-9673: 2.000.000 đồng, 01 Vườn xoan có 35 cây 3.500.000 đồng, 01 giường 100.000 đồng. Tổng giá trị: 21.750.000 đồng.

Giao cho anh T quản lý, sử dụng những tài sản sau: 01 tủ hàng 400.000 đồng, 01 máy hơi 600.000 đồng, 01 súng bắn ốc 100.000 đồng, bộ đồ nghề sửa xe 1.000.000 đồng, 01 đệm giường 50.000 đồng, 01 xe máy 88D1-26389: 12.000.000 đồng, 02 giường 200.000 đồng, 50kg lúa 350.000 đồng, 01 giàn bát không còn giá trị sử dụng và toàn bộ công trình xây dựng trên đất của bố mẹ anh T. Tổng giá trị là 82.400.000 đồng.

Sau khi cân đối giá trị tài sản và công trình xây dựng mà các bên được chia thì anh T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H là 30.250.000 đồng.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.200.000 đồng, số tiền này chị H đã nộp, nay chị H đề nghị anh T phải thanh toán cho chị số tiền anh T phải nộp. Do Tòa án chia đôi số tài sản chung của vợ chồng nên mỗi người phải nộp 600.000 đồng, xác nhận chị H đã nộp đủ, anh T phải trả lại cho chị H 600.000 đồng.

[6]. Về án phí: Chị Đào Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Mỗi đương sự phải chịu $104.150.000 \text{ đồng} / 2 \times 5\% = 2.603.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 29, 33, 43, 46, 51, 56, 57, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Thanh H với anh Tạ Kim T.

- Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tạ Kim Ng, sinh ngày 19/01/2007; anh Tạ Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tạ Đình T, sinh ngày 25/9/2010; không ai phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Về tài sản:

Giao cho chị H quản lý, sử dụng những tài sản sau: 01 tủ 03 buồng, 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 tủ quần áo 2 buồng, 01 quạt đựng thóc, 01 bộ bàn ghế, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 quạt hòm, 01 máy tuốt lúa, 01 xe cải tiến, 01 xe lôi, 01 xe máy 88k-9673, 01 Vườn xoan có 35 cây và 02 hòm tôn.

Giao cho anh T quản lý, sử dụng những tài sản sau: 01 tủ hàng, 01 máy hơi, 01 súng bắn ốc, bộ đồ nghề sửa xe, 01 đệm giường, 01 xe máy 88D1-26389, 02 giường, 50kg lúa, 01 giàn bát và toàn bộ công trình xây dựng trên đất đứng tên ông Tạ Kim S và bà Trương Thị K tại Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Buộc anh T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H là 30.250.000 đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Xác nhận chị H đã nộp đủ, anh T phải thanh toán cho chị H là 600.000 đồng.

- Về án phí: Chị Đào Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001448 ngày 12/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị H và anh T mỗi người phải nộp 2.603.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

